

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28-3-2018

v/v Kiện xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tạc

2. Bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1151/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc “*Kiện xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc V- Sinh năm: 1977 - (có mặt)

Địa chỉ: Số 96 Ph B Ch, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Đỗ Trọng Đ- Sinh năm: 1977 - (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 331 Ph B Ch, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc V trình bày:

Tôi và ông Đỗ Trọng Đ tự nguyện lấy nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/3/2002.

Quá trình chung sống tôi và ông Đỗ Trọng Đ không hòa hợp về tính tình nên chúng tôi thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không giải quyết được. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Đỗ Trọng Đ.

Thời gian chung sống vợ chồng tôi có 02 con chung là các cháu: Đỗ Quốc A - sinh ngày 09/02/2003 và Đỗ Quốc B - sinh ngày 08/7/2009. Hiện nay các cháu đều đang ở với tôi, tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu A, B và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Đỗ Trọng Đ cố tình lẩn tránh, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Đỗ Trọng Đ theo đúng trình tự tố tụng dân sự, nhưng ông Đỗ Trọng Đ đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “*Kiến tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc V và ông Đỗ Trọng Đ tự nguyện lấy nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/3/2002. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Ngọc V cho biết vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hay xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, đoàn thể hòa giải nhiều lần nhưng không thành, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà V được ly hôn với ông Đỗ Trọng Đ.

Qua kết quả xác minh tại địa phương cho biết vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc V và ông Đỗ Trọng Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã được địa phương hoà giải nhiều lần nhưng không thành, nay bà Nguyễn Thị Ngọc V xin ly hôn ông Đỗ Trọng Đ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc V và ông Đỗ Trọng Đ không còn nữa, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau, sống ly thân, nguyện vọng của bà Nguyễn Thị Ngọc V xin ly hôn ông Đỗ Trọng Đ là phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, do đó cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc V và ông Đỗ Trọng Đ có hai con chung là cháu Đỗ Quốc A - sinh ngày 09/02/2003 và Đỗ Quốc B - sinh ngày 08/7/2009. Hiện nay các cháu đang được bà Nguyễn Thị Ngọc V chăm sóc, nuôi dưỡng, nguyện vọng của các cháu mong muốn được ở với bà V. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà Vân, giao các cháu Đỗ Quốc A - sinh ngày 09/02/2003 và Đỗ Quốc B - sinh ngày 08/7/2009 cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Ông Đỗ Trọng Đ được quyền đi lại thăm nom con chung, quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Ngọc V không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc V. Bà Nguyễn Thị Ngọc V được ly hôn với ông Đỗ Trọng Đ.

Về con chung: Giao 02 con chung là các cháu Đỗ Quốc A - sinh ngày 09/02/2003 và Đỗ Quốc B - sinh ngày 08/7/2009 cho bà Nguyễn Thị Ngọc V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành. Ông Đỗ Trọng Đ được quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc V không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004735 ngày 30/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố Buôn Ma Thuột;
- UBND phường phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Kiên